

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC CƠ**

Số: 820 /BC - UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đức Cơ, ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện tiêu chí số 2 về giao thông Chương trình MTQG
xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Đức Cơ**

Triển khai Văn bản số 2630/SGTVT-QLKCHTGT, ngày 01/12/2020 của Sở Giao thông vận tải: V/v báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí số 2 về giao thông Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

Ủy ban nhân dân huyện Đức Cơ báo cáo, cụ thể như sau:

1. Tình hình thực hiện tiêu chí số 2 về giao thông: *Theo các phụ biểu đính kèm.*
2. Những khó khăn vướng mắc: Nhu cầu đầu tư xây dựng rất lớn, nhưng kinh phí hỗ trợ của Nhà nước còn ít, việc huy động từ các nguồn lực xã hội (Doanh nghiệp, tổ chức, nhân dân...) để xây dựng nông thôn mới còn hạn chế.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở Giao thông vận tải;
- Lưu VT-UB, KTHT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Ngọc Phấn

BIỂU SỐ 01

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

TIÊU CHÍ SỐ 2 VỀ GIAO THÔNG

(Kèm theo Công văn số 820 /BC-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện Đức Cơ)

TT	Địa danh	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.	2.2. Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.	2.3. Đường ngõ xóm sạch và lấy lợi vào mùa mưa.	2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm.	Đánh giá chung													
		Tỷ lệ nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt 100%	Tỷ lệ cứng hóa $\geq 70\%$	Đạt 100%, trong đó tỷ lệ cứng hóa $\geq 50\%$	Tỷ lệ cứng hóa $\geq 70\%$														
		Hiện trạng		Hiện trạng			Hiện trạng												
		Tổng số Km	Số Km hoàn thành	Tỷ lệ %	Đánh giá		Tổng số Km	Số Km hoàn thành	Tỷ lệ %	Đánh giá									
I	Huyện Đức Cơ																		
1	Xã Ia Dom	21,1	21,1	100%	Đạt	7,2	5,5	76,4%	Đạt	4,3	4,3	100%	Đạt	12	9	75%	Đạt	Đạt	
2	Xã Ia Krêl	14,6	14,6	100%	Đạt	7,6	7,2	94,7%	Đạt	16	11,3	70,6%	Đạt	7,2	5,4	75%	Đạt	Đạt	
3	Xã Ia Kriêng	17,4	17,4	100%	Đạt	6	4,7	78,3%	Đạt	20,6	12,9	62,6%	Đạt	21	14,8	70,5%	Đạt	Đạt	
4	Xã Ia Kla	5,4	5,4	100%	Đạt	7,2	7,2	100%	Chưa đạt	22,4	6,5	29,0%	Chưa đạt	18,4	5,3	28,8%	Chưa đạt	Chưa đạt	
5	Xã Ia Din	21	21,0	100%	Đạt	21	21	100%	Đạt	8	8	100%	Đạt	7,2	6	83,3%	Đạt	Đạt	
6	Xã Ia Dok	44,2	44,2	100%	Đạt	9,42	5,8	61,6%	Chưa đạt	11,43	3,7	32,4%	Chưa đạt	12,6	5,8	46%	Chưa đạt	Chưa đạt	
7	Xã Ia Lang	8,9	8,9	100%	Đạt	8,3	8,3	100%	Đạt	11,3	7,2	63,7%	Đạt	20,5	11,4	56%	Chưa đạt	Chưa đạt	

8	Xã Ia Nan	17,8	17,8	100%	Đạt	7,2	7,2	100%	Đạt	13,7	10,4	75,9%	Đạt	0,7	0,7	100%	Đạt	Đạt
9	Xã Ia Pnôn	24,2	13,9	57,4%	Chưa đạt	2,8	2,8	100%	Chưa đạt	14,2	9,9	69,7%	Chưa đạt	41,2	9,7	23,5%	Chưa đạt	Chưa đạt
Tổng số xã đạt																		
05/9 xã																		



BIỂU SỐ 02
BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
TIÊU CHÍ SỐ 2 VỀ GIAO THÔNG
 (Kèm theo Báo cáo số **820** /BC-UBND ngày **31/12/2020** của UBND huyện Đức Cơ)

STT	Nội dung thực hiện	ĐVT	Thực hiện đến 31/12/2020		Kế hoạch năm 2021	
			Khối lượng	Thành tiền (triệu đồng)	Khối lượng	Thành tiền (triệu đồng)
1	Đường huyện	Km				
2	Đường trục xã	Km				
3	Đường trục thôn, làng	Km	3,2	4.704	3,58	5.262
4	Đường ngõ, xóm	Km	18,3	26.535	13,5	19.75
5	Đường nội đồng	Km	10,9	14.900	4,69	6.411
6	Cầu, cống	Cái	1	250		